

Trong những năm qua, Đảng và nhà nước ta đã có nhiều nghị định, chủ trương và các biện pháp từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Nghị quyết hội nghị trung ương 5, khóa VII, năm 1993 là khâu đột phá quan trọng, thúc đẩy cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, quá trình này diễn ra rất chậm chạp, còn tự phát và chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Vì vậy, đánh giá đúng thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân hạn chế tiến trình chuyển dịch và đưa ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH là vấn đề rất cấp bách trong tình hình hiện nay.

1. Khái quát thực trạng quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

Quán triệt tinh thần Nghị quyết TW 5, thời gian qua, cơ cấu kinh tế nông thôn nước ta đã có sự chuyển biến đáng kể theo hướng đa ngành, đa canh và phát triển kinh doanh tổng hợp.

Mặc dù tỷ trọng nông nghiệp chiếm trong GDP giảm từ 29,3% trong năm 1995 xuống còn 25,7% trong năm 1997 nhưng giá trị tuyệt đối lại tăng lên từ 4,5% - 4,9%/năm. Riêng 6 tháng đầu năm 1998, sản xuất nông nghiệp tiếp tục tăng trưởng và phát triển so với cùng kỳ các năm trước. Trong nội bộ ngành nông nghiệp bước đầu đã có sự thay đổi. Hiện nay, ngành nông nghiệp không còn độc canh cây lúa mà chuyển sang đa canh, như: trồng màu, cây ăn quả, các loại cây công nghiệp ngắn và dài ngày theo từng vùng. Bên cạnh đó, sản xuất lâm và ngư nghiệp cũng có sự phát triển. Đặc biệt ngành thủy sản đang khẳng định được vị trí của mình trên cả hai lĩnh vực: nuôi trồng và đánh bắt. Do đó, tỷ trọng của ngành thủy sản tăng từ 7,5%, năm 1991 lên 9,9%, năm 1997. Đây là xu hướng rất tích cực thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn VN phát triển theo hướng CNH, HĐH.

Điểm nổi bật trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn là sự tăng trưởng và phát triển của ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn. Thực hiện đường lối kinh tế mới, các ngành nghề thủ công và các loại hình dịch vụ nông thôn phát triển

đều khắp cả nước. Hiện nay có khoảng 300 loại hình làng nghề, huyện nghề khác nhau. Trong đó, có trên 100 làng nghề truyền thống được khôi phục, phát triển và xuất hiện nhiều mô hình mới, như: làng nghề sản xuất đồ gỗ chạm khắc ở Bắc Ninh, Bắc Giang, làng nghề gốm sứ

triệu hộ sinh sống ở nông thôn. Trong đó, có gần 2 triệu hộ làm phi nông nghiệp. Cá biệt có vùng tỷ lệ hộ làm phi nông nghiệp đạt tới 49%. Nghề phi nông nghiệp hiện nay chủ yếu là công nghiệp chế biến nhỏ và dịch vụ, như: xay xát, bơm nước, vận tải, cung ứng vật tư phân bón, thuốc trừ sâu...

Những kết quả đó dẫn khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng và nhà nước ta là: "Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội".

Tuy nhiên, đánh giá một cách khách quan, những thành tựu trên còn hết sức khiêm tốn so với yêu cầu đặt ra trong chiến

lược đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn VN. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu kinh tế nông thôn nói riêng diễn ra chậm chạp và nảy sinh nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết.

Hiện nay, tốc độ phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nông thôn còn ở mức thấp, như thống kê sau về tỷ trọng hộ gia đình làm nông nghiệp và hộ phi nông nghiệp ở một số vùng trong nước cho thấy:

Bảng: Tỷ trọng hộ nông nghiệp và hộ phi nông nghiệp

	Cả nước	MNTD Bắc Bộ	DBSH	Khu IV củ	Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	DBS Cầu Long
TS (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Hộ nông nghiệp	80,6	91,4	92,2	83,0	75,6	77,9	51,0	72,1
Hộ phi nông nghiệp	19,4	8,6	7,8	17,0	24,4	22,1	49,0	27,0

Nguồn: Tổng cục thống kê - Báo cáo tình hình nông nghiệp và nông thôn sau 2 năm thực hiện NQTV lần thứ V, khóa VII, 1993 - 1995

thôn bình quân lên 8,9%/năm và trong những năm gần đây đạt khoảng 10%/năm. Kết quả trên là một trong những nhân tố góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn có hiệu quả.

Thời gian qua, do thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, số hộ và lao động trong nông nghiệp có xu hướng giảm. Nhiều hộ đã chuyển sang các hoạt động phi nông nghiệp. Số liệu điều tra của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 1994 cho thấy, cả nước có khoảng 12

Số hộ làm nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng tuyệt đối. Tuy nhiên, tỷ trọng đóng góp vào GDP của nông nghiệp lại rất nhỏ bé. Năm 1997 là năm nền nông nghiệp VN có bước phát triển mới nhưng ngành nông nghiệp cũng chỉ đóng góp gần 5% GDP. Trong khi đó, công nghiệp - xây dựng là 13,07% và dịch vụ là 8,9%. Từ đầu năm 1998 đến nay, thiên tai hạn hán khắp 3 miền đất nước, ảnh hưởng rất lớn tới quá trình sản xuất nông nghiệp. Do đó, tỷ trọng GDP của nông nghiệp không những không có

xu hướng tăng lên mà còn có nguy cơ tiếp tục giảm trong những năm tiếp theo. Đây là kết quả không tương xứng với tiềm năng về đất đai và lao động vốn có ở khu vực nông thôn.

Cơ cấu nền kinh tế chậm biến đổi dẫn tới cơ cấu kinh tế nông thôn cũng chậm biến đổi theo. Mặc dù, trong những năm qua cơ cấu kinh tế nông thôn có sự chuyển dịch theo hướng đa ngành nhưng hiện nay kinh tế nông thôn vẫn chủ yếu là kinh tế nông nghiệp. Công nghiệp và dịch vụ nông thôn chưa thực sự phát triển.

Xét về cơ cấu giá trị sản xuất, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất: 71,4%; công nghiệp chỉ chiếm 13,8% và dịch vụ - một ngành được coi như là "cứu cánh" cho nền kinh tế, kể từ khi thực hiện cơ chế kinh tế mới, cũng mới đạt 14,7%. Nếu xét theo cơ cấu thu nhập thì thu nhập từ nông nghiệp đã chiếm tới 55,6%, dịch vụ chiếm 17,3% và đặc biệt là tỷ trọng công nghiệp nông thôn chiếm tỷ lệ quá nhỏ 5,06%. Không những công nghiệp - dịch vụ nông thôn chiếm tỷ trọng nhỏ, trình độ kỹ thuật công nghiệp nông thôn lại rất thấp cả về thiết bị lẫn công nghệ. Nếu trừ đi số ít những mặt hàng thủ công mỹ nghệ thì sản phẩm của công nghiệp nông thôn phần lớn chất lượng kém, mẫu mã đơn điệu, kiểu dáng chậm thay đổi, tốn nhiều nguyên vật liệu và năng lượng. Nhiều thiết bị công nghệ là công cụ cải tiến hoặc thiết bị thải loại của các cơ sở công nghiệp đô thị. Vì vậy, sản phẩm làm ra khó đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp, khó tiêu thụ ngay trên thị trường nông thôn chứ chưa nói tới các loại thị trường khác, ảnh hưởng rất lớn tới tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp và làm chậm tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Trong khi cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ nông thôn dịch chuyển chậm thì ngay trong cơ cấu sản phẩm ngành cũng ít biến đổi. Thực tế cơ cấu giá trị sản xuất trong ngành nông nghiệp qua các năm như sau:

Bảng: Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá trị so sánh (%)

Năm	1995	1996	1997
1. Trồng trọt	80,4	80,5	80,5
Trong đó:			
- Lương thực	63,6	64,1	63,9
- Rau đậu	7,5	7,3	7,1
- Cây công nghiệp	18,4	18,4	18,9
- Cây ăn quả	8,4	8,2	8,1
2. Chăn nuôi	16,6	16,6	16,7
3. Dịch vụ nông nghiệp	3,0	2,9	2,8

Nguồn: Thời báo kinh tế VN số 57, 18.7.1998

Theo thống kê trên, trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất 80,4% - 80,5%. Trong đó, cây lương thực vẫn

tiếp tục độc chiếm nền nông nghiệp VN. Cây công nghiệp và cây ăn quả chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ. Ngành chăn nuôi đạt tỷ trọng còn khiêm tốn 16,6% - 16,7%. Đặc biệt, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng vừa nhỏ bé lại vừa có xu hướng giảm sút từ 3,0% xuống còn 2,8%.

Như vậy, nền nông nghiệp nước ta hiện nay vẫn còn mang đậm nét cổ truyền, kém hiệu quả. Do cơ cấu ngành nông nghiệp chậm thay đổi nên công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp ra khó có điều kiện phát triển. Dịch vụ nông nghiệp có xu hướng giảm sẽ tác động xấu tới nền sản xuất hàng hóa trong cơ chế kinh tế mở hiện nay. Mặt khác, hàng nông phẩm của nước ta đã không đa dạng về chủng loại, chất lượng lại chưa đạt tiêu chuẩn quốc tế nên khó chiếm lĩnh thị trường. Thậm chí có những loại nông phẩm thị trường bị thu hẹp do chất lượng, phẩm chất quá thấp, gây thiệt hại cho người sản xuất, ảnh hưởng tới tăng trưởng và phát triển kinh tế nông nghiệp.

Công nghiệp - dịch vụ nông thôn chậm phát triển sẽ ít có khả năng thu hút lao động từ nông nghiệp thuần túy. Hiện nay, lực lượng lao động công nghiệp nông thôn mới chiếm khoản 2% lực lượng lao động nông thôn. Số còn lại vẫn phải tiếp tục hoạt động sản xuất trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp. Từ năm 1990 - 1997, tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm được 3,5%, bình quân mỗi năm chỉ giảm được 0,5%. Như vậy, để đưa tỷ trọng lao động nông nghiệp xuống 50% với tốc độ như hiện nay phải mất 38 năm. Nghĩa là, tới năm 2035 mới đạt được mục tiêu này và cho tới năm 2020 tỷ trọng lao động nông nghiệp vẫn chiếm tới 57,8%. Một nước tỷ trọng lao động nông nghiệp còn quá cao như vậy sẽ không thể gọi là nước phát triển. Đó là chưa kể tới mâu thuẫn giữa tốc độ gia tăng dân số tuyệt đối với tốc độ giảm quỹ đất tương đối như hiện nay do phát triển quá nhiều khu công nghiệp, sử dụng đất sai quy hoạch, đất bị thoái hóa bạc màu...chính vì vậy diện tích đất

và người sản xuất phi nông nghiệp.

2. Nguyên nhân làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

- Thứ nhất: do thiếu vốn đầu tư, đây là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất, hạn chế quá trình chuyển dịch. Theo tính toán của các nhà khoa học, để tiến hành CNH, HĐH trong giai đoạn 1996 - 2000, nền kinh tế nước ta cần có lượng vốn đầu tư khoảng 45 tỷ USD. Trong đó, khu vực nông thôn cần khoảng 12,7 tỷ USD - tương đương với 140.000 tỷ VNĐ. Và, chỉ riêng ngành nông nghiệp trong năm 1998 đã cần tới 6.800 tỷ đồng. Trên thực tế, số vốn huy động được từ các nguồn khác nhau phục vụ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn còn rất nhỏ bé và chủ yếu vẫn từ nguồn ngân sách. Lượng vốn huy động từ nội lực của nhân dân còn hạn chế. Do đó, vốn dành cho khu vực kinh tế nông thôn còn thiếu trầm trọng. Năm 1997, tổng số vốn đầu tư cho nông nghiệp là 1.843 tỷ đồng. Trong đó, vốn do ngân sách cấp chiếm tới 1.200 tỷ đồng. Lượng vốn trên đã có tác dụng làm tăng năng lực sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Nhưng đánh giá khách quan thì số vốn đó còn quá ít, chưa thể thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển nhanh và bền vững.

Vốn thiếu, cơ cấu đầu tư lại chưa hợp lý, chủ yếu tập trung vào cơ sở hạ tầng. Do vậy, vốn dành để đầu tư chiều sâu, tăng cường máy móc thiết bị hiện đại cho sản xuất nông nghiệp hạn chế, dẫn tới hậu quả là nông phẩm hàng hóa sản xuất ra chất lượng thấp, không mở rộng được thị trường xuất khẩu nông phẩm, lao động dư thừa. Cá biệt có những dự án do đầu tư "nhầm", chưa tìm được thị trường tiêu thụ sản phẩm đã cho sản xuất chuyên canh hàng loạt, dẫn tới đổ bể, sản phẩm không tiêu thụ được, nông dân bị thiệt hại cả về vật chất lẫn tinh thần, ảnh hưởng tới hiệu quả quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Theo báo cáo của Bộ kế hoạch và đầu tư, từ 1985 - 1995, số máy kéo nhỏ tăng gấp 5 lần, máy kéo lớn tăng 1,5 lần, ô tô và các loại xe vận tải khác tăng 6 lần...Khoảng 90% thiết bị này do các hộ nông dân đầu tư. Tuy nhiên, nội lực của nông dân thấp nên những thiết bị, máy móc trên hầu hết là đồ tân trang lại, chất lượng kém, phổ biến là các loại máy móc lạc hậu khoảng 20 năm. Chính vì vậy, khi xét tới hiệu quả kinh tế, số công cụ máy móc này vẫn chưa đạt yêu cầu phục vụ cho nền nông nghiệp hiện đại.

Vốn đầu tư của nhà nước có hạn, nội lực nông dân chưa mạnh, vốn tín dụng dành cho khu nông thôn lại

không cao, thủ tục phiền hà, khoản vay nhỏ lẻ, thời hạn ngắn, sản xuất nông nghiệp lại luôn phải phụ thuộc vào thời tiết, mùa vụ, cây con, ngành nghề...do đó nông dân vẫn rất thiếu vốn và rất khó khăn trong việc vay vốn để sản xuất. Đặc biệt, đối với những ngành, nghề cần nhiều vốn như đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, vốn vô cùng thiếu.

- Thứ hai, cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông nông thôn, công nghiệp chế biến và dịch vụ phục vụ nông nghiệp phát triển chậm. Hơn nữa, phần lớn đất đai sử dụng chưa hiệu quả, chưa khai thác hết nguồn lợi từ đất mang lại. Việc giao đất, giao rừng cho hộ nông dân về cơ bản đã xong thủ tục nhưng thực tế nhiều hộ gia đình hoặc là do thiếu vốn, hoặc là chưa tìm ra phương án canh tác nên sử dụng đất còn lãng phí. Diện tích vườn tạp còn rất lớn. Chẳng hạn, ở An Giang, diện tích vườn tạp chiếm trên 70%. Bên cạnh đó, tài nguyên rừng, mặt nước biển, ao hồ vẫn chưa tận dụng hết. Hiệu quả việc trồng rừng và bảo vệ rừng còn thấp.

- Thứ ba, chưa tích cực tìm kiếm, khai thác và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Có năm giá cả lên cao, nông dân đổ dồn vào sản xuất hàng loạt một loại sản phẩm rút cuộc là sản phẩm thừa, cung lớn hơn cầu, giá cả hạ thấp.

- Thứ tư, các chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước về phát triển kinh tế nông thôn tuy đã được ban hành nhưng chưa thực sự đồng bộ và chưa được thể chế hóa để thực hiện. Đặc biệt, việc cụ thể hóa những chính sách đó cho phù hợp với từng vùng, từng ngành và từng địa phương còn kém hiệu quả. Vì vậy, chưa thúc đẩy được các thành phần kinh tế trong khu vực nông thôn cùng phát triển. Hơn nữa, chính sách bao hộ cho các sản phẩm nông nghiệp không rõ ràng, nông dân chưa yên tâm đầu tư sản xuất lâu dài.

Hiện nay, khu vực nông thôn nước ta vẫn đứng trước thực trạng: thu nhập thấp - sản xuất không phát triển - sức mua của thị trường thấp - đầu tư thấp - thu nhập thấp. Chính vòng luẩn quẩn này ngày càng hạn chế quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn nước ta, ảnh hưởng tới tăng trưởng và phát triển kinh tế trong khu vực nông thôn nói riêng, của cả nền kinh tế nói chung. Trong những điều kiện mới của thời đại, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á đang có tác động tiêu cực đến thị trường khu vực và thị trường thế giới, lĩnh vực nông nghiệp được coi như là một lĩnh vực ít chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng nhất. Vì vậy, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đẩy mạnh phát triển kinh

tế nông nghiệp, nông thôn trong tình hình hiện nay có ý nghĩa vô cùng to lớn.

3. Một số giải pháp đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở nước ta hiện nay

Một là; điều tra, quy hoạch và nắm vững nguồn lực hiện có. Đây là một khâu rất quan trọng. Nó cho phép xác định rõ chiến lược ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn; xác định rõ cơ cấu kinh tế nông thôn phù hợp với điều kiện tự nhiên về khí hậu, thời tiết, thổ nhưỡng, động thực vật...nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai và tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Tránh tình trạng quy hoạch không sát đúng với những điều kiện tự nhiên hiện có, hạn chế tới hiệu quả đầu tư. Nên tập trung xây dựng tốt các dự án kinh tế ở từng vùng, từng ngành phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn trên cả 3 lĩnh vực nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

Hai là; tạo nguồn vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn. Từ việc xác định nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ trọng yếu trong quá trình CNH, HĐH, nhà nước cần phải có kế hoạch bổ sung thêm nguồn vốn và đầu tư có hiệu quả vào phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; tránh đầu tư dàn trải, rải mảnh; đặc biệt chú ý tới công tác xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Hiện nay, theo thống kê mới chỉ có khoảng 10% FDI đầu tư vào lĩnh vực này. Đây là một tỷ lệ còn quá thấp so với yêu cầu phát triển khu vực kinh tế chiếm 80% dân số. Vì vậy, cần nhanh chóng sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện luật đầu tư tiến tới xây dựng bộ luật đầu tư hoàn chỉnh, kèm theo các văn bản dưới luật để đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Tuy nhiên, cần phải nhận thức rằng, đa số nông dân nước ta là nghèo, không có vốn để đầu tư phát triển sản xuất. Do đó, nhà nước phải có những chính sách kịp thời phát triển thị trường vốn ở nông thôn; đổi mới phương thức hoạt động tín dụng, ngân hàng, đơn giản hóa các thủ tục cho vay và có chính sách cho nông dân vay vốn hợp lý, nhất là khi cho vay phải tính tới đặc điểm của sản xuất nông nghiệp - đó là tính thời vụ, cây con, ngành nghề...

Để đạt được hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, cần thiết phải tập trung các nguồn vốn vào một đầu mối thống nhất. Phần công, phần cấp quản lý nguồn vốn rành mạch, rõ ràng, tránh trùng lặp ảnh hưởng tới hiệu quả kinh tế, đặc biệt chú ý tới hiệu quả giải ngân các dự án lớn ODA, dự án 327...

Ba là; mở rộng và phát triển thị

trường, đẩy nhanh việc tiêu thụ hàng hóa. Nói tới thị trường là nói tới "đầu vào" và "đầu ra". Nếu không giải quyết được "đầu ra" thì việc đầu tư cho "đầu vào" cũng không có ý nghĩa. Vì vậy, tìm thị trường "đầu ra" cho nông phẩm hàng hóa từ nông thôn, tổ chức tốt thị trường này thực chất nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Việc mở rộng thị trường phải xuất phát từ nhu cầu thực tế thị trường trong nước đi đôi với việc phân tích tìm kiếm thị trường ngoài nước; gắn chặt lưu thông hàng hóa với sản xuất hàng hóa. Đặc biệt coi trọng phát triển các loại hình dịch vụ nông nghiệp, nông thôn.

Bốn là; đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào lĩnh vực nông nghiệp, giải quyết vấn đề tư tưởng và bồi dưỡng các kiến thức về khoa học - kỹ thuật nông nghiệp cho nông dân, mở rộng các hoạt động khuyến nông.

Năm là; tổng kết mô hình trang trại, mạnh dạn giao đất giao rừng, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, tiến tới hình thành các doanh nghiệp tư nhân sản xuất hàng hóa nông phẩm chuyên canh. Bằng các phương tiện thông tin đại chúng cần thiết tuyên truyền mạnh mẽ các mô hình kinh tế điển hình. Từ đó tạo ra bước chuyển về mặt thức làm cho mọi người hiểu được sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH và người thực hiện công việc này không phải ai khác mà chính là nhân dân. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ là con đường tối ưu để nông dân thoát đói, giảm nghèo và vươn lên giàu có, đẩy mạnh tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu kinh tế nông thôn nói riêng là một quá trình phải trải qua nhiều nấc thang của sự phát triển. Quá trình này diễn ra nhanh hay chậm phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó sự tác động của con người có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Sự tác động này thực chất là sự tác động đồng bộ của các chính sách kinh tế vĩ mô và vĩ mô của nhà nước; sự nỗ lực tích cực của nhân dân trong cả nước; thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch trên cơ sở nhận thức, nắm bắt các quy luật khách quan để tác động theo đúng mục tiêu đã được hoạch định. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn có hiệu quả sẽ đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, tăng nhanh nguồn lợi lực cho nền kinh tế quốc dân ■